

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Luật sở hữu trí tuệ
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Intellectual property law
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011325
1.6 Số tín chỉ:	2
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Kiến thức ngành
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	0
- Thực hành:	15
- Tự học:	55
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Luật/Khoa Kinh tế - Luật
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Lý luận chung Nhà nước và pháp luật
- Học phần học trước:	Luật Dân sự 2
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần cung cấp kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ bao gồm lý luận chung về sở hữu trí tuệ; đối tượng, điều kiện bảo hộ, thời hạn bảo hộ, văn bằng bảo hộ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hợp đồng có đối tượng là quyền sở hữu trí tuệ.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

Học phần giúp sinh viên hiểu được những kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ, vận dụng những quy định pháp luật sở hữu trí tuệ giải quyết những tình huống giả định, thực hành kỹ năng hoàn thiện bộ hồ sơ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, soạn thảo hợp

đồng có đối tượng là quyền sở hữu trí tuệ. Học phần cũng giúp cho người học có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật sở hữu trí tuệ.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Về kiến thức

- Tổng hợp những nội dung liên quan đến pháp luật sở hữu trí tuệ;
- Phân biệt các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ;
- Vận dụng những quy định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ để giải quyết những tình huống pháp lý;

3.2.2 Về kỹ năng

- Thực hành kỹ năng phân tích các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ;
- Tranh luận, phản biện các vấn đề pháp lý về sở hữu trí tuệ;
- Thuyết trình và phân tích, đánh giá các hành vi trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

3.2.3. Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm

- Trách nhiệm đối với việc học tập, làm việc nhóm;
- Tôn trọng pháp luật;
- Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn về giải quyết các tình huống liên quan pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- Chủ động vận dụng các kiến thức đã học, tích cực tìm hiểu quy định pháp luật mới nhằm phục vụ công tác của mình.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	Trình bày các khái niệm cơ bản trong luật sở hữu trí tuệ
CLO2	Phân biệt được các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ
CLO3	Vận dụng được các kiến thức pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan để giải quyết các tình huống pháp lý
CLO4	Vận dụng được các kiến thức pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp để giải quyết các tình huống pháp lý
CLO5	Vận dụng được các kiến thức pháp luật về quyền đối với giống cây trồng để giải quyết các tình huống pháp lý
CLO6	Thực hành phân tích các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ
CLO7	Soạn thảo hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ
CLO8	Thuyết trình và làm việc nhóm
CLO9	Trách nhiệm đối với việc học tập, làm việc nhóm
CLO10	Tôn trọng pháp luật, chủ động vận dụng các kiến thức đã học,

	tích cực tìm hiểu quy định pháp luật mới nhằm phục vụ công tác của mình
CLO11	Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn về giải quyết các tình huống liên quan pháp luật về sở hữu trí tuệ

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1			R							
CLO 2			M							
CLO 3			M							
CLO 4			M							
CLO 5			M							
CLO6							M			
CLO7							M			
CLO8							M			
CLO9									M	
CLO10									M	
CLO11										
Tổng hợp học phần			M				M		M	

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	Chương 1: Khái quát chung về luật sở hữu trí tuệ 1.1. Khái niệm, đặc điểm 1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh 1.3. Nguồn của Luật sở hữu trí tuệ 1.4. Đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ 1.5. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam qua các thời kỳ	5					Giảng viên thuyết giảng và đặt câu hỏi tương tác với sinh viên	Đọc giáo trình [1], [2] chương 1
Tuần 2: Từ: Đến...	Chương 2: Quyền tác giả và quyền liên quan 1.1. Quyền tác giả	2	0				Giảng viên thuyết giảng và đặt câu hỏi tương tác với sinh viên	-Đọc giáo trình [1], [2] chương 1 -Đọc Luật Sở hữu trí tuệ và

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
							<i>viên</i>	văn bản hướng dẫn thi hành
	Thực hành vẽ sơ đồ tư duy và trình bày phần nghiên cứu của mình về quyền tác giả	0	3			5	<i>Sinh viên vẽ sơ đồ tư duy theo nhóm</i>	<i>Chuẩn bị bút viết và giấy A4 hoặc giấy đôi</i>
Tuần 3: Từ: Đến...	Chương 2: Quyền tác giả và quyền liên quan (tt) 1.2. Quyền liên quan	3				5	<i>Giảng viên thuyết giảng và đặt câu hỏi tương tác với sinh viên</i>	<i>-Đọc giáo trình [1], [2] chương 2 -Đọc Luật Sở hữu trí tuệ và văn bản hướng dẫn thi hành</i>

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	
		GIỜ LÊN LỚP							
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học			
	Thực hành hoàn thiện bộ hồ sơ đăng ký quyền sở hữu tác giả và đi nộp hồ sơ trên thực tế		2				5	Sinh viên thực hành	Chuẩn bị máy tính và mẫu theo văn bản hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ
Tuần 4: Từ: Đến...	Chương 3: Quyền sở hữu công nghiệp 1.1. Khái niệm 1.2. Đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp 2.1.1. Sáng chế và giải pháp hữu ích 2.1.2. Kiểu dáng công nghiệp 2.1.3. Nhãn hiệu 2.1.4. Tên thương mại 2.1.5. Chỉ dẫn địa lý	2		3			5	Giảng viên thuyết giảng và đặt câu hỏi tương tác với sinh viên	-Đọc giáo trình [1], [2] chương 3 -Đọc Luật Sở hữu trí tuệ và văn bản hướng dẫn thi hành
	Gặp gỡ chuyên gia		3				5	Giao lưu với chuyên gia	Chuẩn bị câu hỏi giao lưu với chuyên gia

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
							gia	
Tuần 5: Từ: Đến...	Chương 3: Quyền sở hữu công nghiệp (tt) 2.1.6. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn 2.1.7. Bí mật kinh doanh 2.1.8. Quyền chống cạnh tranh không lành mạnh 1.3. Hợp đồng chuyển giao công nghệ	2				5	Giảng viên thuyết giảng và đặt câu hỏi tương tác với sinh viên -Đọc giáo trình [1], [2] chương 3 -Đọc Luật Sở hữu trí tuệ và văn bản hướng dẫn thi hành	
	Thực hành hoàn thiện bộ hồ sơ đăng ký quyền sở hữu công nghiệp. Mỗi nhóm bốc thăm chọn đối tượng đăng ký.		3			10	Sinh viên thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên Đọc Luật Sở hữu trí tuệ và văn bản hướng dẫn thi hành	
Tuần 6: Từ: Đến...	Chương 4: Quyền đối với giống cây trồng 1.1.Khái niệm 1.2.Đối tượng 1.3.Điều kiện bảo	1				5	-Đọc giáo trình [1], [2] chương 4	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	hộ 1.4. Thời hạn bảo hộ 1.5. Thủ tục đăng ký bảo hộ							-Đọc Luật Sở hữu trí tuệ và văn bản hướng dẫn thi hành
	Ôn tập và thực hành vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt thời hạn bảo hộ của tất cả các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ và trình bày bài làm của mình trước lớp		4			5	Sinh viên vẽ sơ đồ tư duy theo nhóm	
Tổng		15	15	0	0	55		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

[1] Trường Đại học Luật TP.HCM (2019), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*, NXB. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*, NXB. Công an nhân dân

6.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

[3] Trường Đại học Luật TpHCM (2019), *Sách tình huống Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần: Sinh viên đi học thường xuyên, không vắng quá 20% số buổi học Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp và bài tập về nhà, tích cực pháp biểu xây dựng bài	- Đánh giá thái độ tích cực của sinh viên đối với môn học. - Đánh năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân, tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5 CLO7 CLO9	10%
2	Bài thực hành nhóm: - GV sẽ đưa ra các tình huống thực tế hoặc giả định, SV tiến hành thảo luận theo nhóm. Mỗi nhóm sẽ cử một đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, GV hoặc các nhóm khác sẽ đặt câu hỏi hoặc phản biện, nhóm lập luận để bảo vệ quan điểm của mình. - Tranh luận về các vấn đề cho trước	- Đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức của SV để giải thích các vấn đề liên quan đến pháp luật sở hữu trí tuệ. - Đánh giá được khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế vĩ mô nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực này. - Đánh giá được kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng nói trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm của SV.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO9 CLO10 CLO11	30%
3	Gặp gỡ chuyên gia	-Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng kiến thức đã học thông qua hoạt động giao lưu với chuyên gia. -Đánh giá sự nghiêm túc, nỗ lực, kiên trì trong nghiên cứu khoa học thông qua việc đặt câu hỏi cho chuyên gia.	CLO4 CLO5 CLO11	20%
4	Kiểm tra tự luận giữa kỳ: Kiểm tra giữa kì 30-45 phút bằng hình thức nhận định, trắc nghiệm, bài tập tình huống	- Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các vấn đề pháp lý đã học. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng tình huống cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO10	40%

		<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng phân tích, tư duy và biện luận. - Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề thực tế được đưa ra trong bài kiểm tra. 		
TỔNG				100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CỜ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN: gồm 2 phần nhận định và tình huống - Bài thi 60 phút - Bao gồm 06 câu hỏi nhận định (đúng/sai và giải thích) và bài tập tình huống (có thể có 1 hoặc nhiều câu hỏi nhỏ) - Nội dung đề thi là một trong những nội dung đã học, nhằm vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống liên quan đến Luật sở hữu trí tuệ	Đánh giá về kiến thức: - Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các vấn đề pháp lý. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng tình huống, nhận định cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4	40%
	Đánh giá về kỹ năng: - Đánh giá khả năng phân tích, lập luận để giải quyết tình huống. - Đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp được các kiến thức đã học để giải quyết tình huống (có thể bao hàm các kiến thức của các học phần trước có liên quan) - - Đánh giá khả năng tư duy, phân tích, phản biện để bảo vệ được quan điểm cá nhân.	CLO6	50%
	Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: - Đánh giá tính tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức và kỹ năng được học; có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt trong từng tình huống thực tiễn.	CLO10 CLO11	10%
TỔNG			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

- Tham gia lớp học nghiêm túc, tuân thủ các quy định chung của nhà trường.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Sinh viên tham gia lớp học với tinh thần nghiêm túc, cầu thị.

- Sinh viên không làm việc riêng trong thời gian lên lớp, chỉ sử dụng các thiết bị phụ vụ cho nội dung học và hoạt động tương ứng trong từng buổi học.

8.3 Quy định về học vụ

- Sinh viên vắng không quá 20% tổng số buổi học (trừ trường hợp được nhà trường cho phép), vượt quá thì không được tham gia kiểm tra giữa kỳ.

- Thành viên nhóm thuyết trình không được vắng, nếu vắng sẽ được làm bài kiểm tra thay thế.

- Các bài tập nhóm, cá nhân phải tuân thủ theo mẫu và thời hạn nộp theo quy định của giảng viên.

9. HOLISTIC RUBRIC:

9.1. Rubric đánh giá điểm quá trình

- Rubric đánh giá chuyên cần (20% điểm quá trình)

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Số buổi dự học (đủ tiết/buổi) theo thời khóa biểu	CLO 11	50%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Sự chủ động, tích cực tham gia thảo luận/trả lời câu hỏi	CLO 11	50%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các câu hỏi về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% các câu hỏi về nội dung bài học.

- Rubric đánh giá bài thực hành nhóm (30% điểm quá trình)

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Tổ chức và phối hợp tham gia thực hiện	CLO7 CLO8 CLO9	15%	< 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện	Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia	Từ 80% đến 100% thành viên tham gia

của các thành viên trong nhóm			nhiệm vụ nhóm	tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	thực hiện nhiệm vụ nhóm	thực hiện nhiệm vụ nhóm
Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	10%	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả.	Các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ ràng các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày trước đám đông	CLO8 CLO9	15%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.	Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe.
Trương tác/trả lời câu hỏi	CLO8 CLO9	30%	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.
Nội dung Bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8	30%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội dung.

- Rubric đánh giá hoạt động gặp gỡ chuyên gia (20% điểm quá trình)

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Tham gia đầy đủ các buổi trao đổi với chuyên gia theo lịch thông báo	CLO11	50%	Tham dự < 70% số buổi trao đổi, đi trễ hoặc về sớm hơn 50% thời gian buổi trao đổi	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi trao đổi, đi trễ hoặc về sớm hơn 20% đến < 50% thời gian buổi trao đổi	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi trao đổi, đi trễ hoặc về sớm hơn < 20% thời gian buổi trao đổi	Tham dự từ 90% số buổi trao đổi trở lên, tham gia trọn vẹn thời gian buổi trao đổi, không đi trễ, về sớm.
Tham gia tích	CLO11	20%	Không	Chuẩn bị sơ	Chuẩn bị	Chuẩn bị tốt,

cực các hoạt động mà chuyên gia đề ra (chuẩn bị tài liệu trước, gửi feedback, nộp báo cáo, thu hoạch, bài tập... khi có yêu cầu)			chuẩn bị tài liệu, chỉ tham dự nhưng không gửi Feedback khi có yêu cầu	sài, chỉ, gửi Feedback khi có yêu cầu một cách hạn chế	tương đối đầy đủ, gửi Feedback khi có yêu cầu	chỉ, gửi Feedback khi có yêu cầu một cách tích cực, trách nhiệm, có tính xây dựng
Tương tác (hỏi/đáp) với chuyên gia trong giờ học	CLO8 CLO9	30%	Không giao lưu với chuyên gia	Giao lưu một cách hạn chế với chuyên gia	Có giao lưu với chuyên gia ở mức độ tương đối	Chủ động, tích cực tham gia phát vấn, trao đổi cùng chuyên gia

- Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ (40% điểm quá trình)

Tiêu chí	CĐR	Cấu trúc điểm thành phần	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức cơ bản	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	60%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Mức nâng cao	CLO 7 CLO 8 CLO 9 CLO 10 CLO 11	40%				

9.2. Rubric đánh giá bài kiểm tra cuối kỳ (50% điểm quá trình)

Tiêu chí	CĐR	Cấu trúc điểm thành phần	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức cơ bản	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	60%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Mức nâng cao	CLO 7 CLO 8 CLO 9 CLO 10	40%				

	CLO 11					
--	--------	--	--	--	--	--

9.3. Rubric đánh giá chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu cặn kẽ	Hiểu sâu
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	6%	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới
CLO2	11%					
CLO3	10%					
CLO4	13%					
CLO5	10%					
CLO6	10%					
CLO7	10%					
CLO8	10%					
CLO9	5%					
CLO10	10%					
CLO11	5%					
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022


1. Hiệu trưởng ✓


TS. Nguyễn Văn Kiên

Trưởng khoa


Ông Nguyễn Phước

Trưởng bộ môn


TS. Thị Đông Hà